

Số: **34** /2025/QĐST- DS

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thuật** và ông **Lê Văn Hoan**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, TP Hà Nội : Bà **Cần Thùy Dung**, kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “ Tranh chấp yêu cầu hủy di chúc và chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1957

Bị đơn yêu cầu độc lập: Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1971

Đều TQ: xóm A, thôn P, xã P, huyện B, Hà Nội (nay là xóm A, thôn P, xã C, thành phố Hà Nội)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phan Thị C, sinh năm 1960

+ Chị Lê Thị Hồng V, sinh năm 1982

+ Anh Lê Văn N, sinh năm 1987

+ Anh Lê Văn T, sinh năm 1991

HKTT đều: Tổ C, phường H, tỉnh Gia Lai.

Chị V, anh N, anh T ủy quyền cho bà C

+UBND xã C, thành phố Hà Nội, đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Trúc P – Chủ tịch.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Xác định tài sản chung của Cụ Lê Văn H2, sinh năm 1928 (mất 06/11/ 2018), vợ cả là cụ Phạm Thị Út N1, sinh năm 1926 (mất 23/3/ 1996), vợ hai là cụ Trần Thị Đ, sinh 1932 (mất 05/4/ 2022). Di sản thừa kế của cụ Lê Văn H2 để lại 02 thửa đất số đất tờ bản đồ số 02, thửa số 272 diện tích 1.040m² (trong đó có 200m² đất ở và 840m² đất vườn) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ ông Lê Văn H2 cấp ngày 14/12/2000 nhưng khi đo đạc thực trạng thửa đất còn diện tích 989,3m² (trong đó có 200m² đất ở và 789,3m² đất vườn) có trị giá 4.946.500.000đ (*Bốn tỷ, chín trăm bốn mươi sáu ngàn, năm trăm đồng*). Thửa số 02, tờ bản đồ 240, diện tích 868 đất ao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi đo đạc thực trạng thửa đất còn diện tích 815,6m² các thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ ông Lê Văn H2 cấp ngày 14/12/2000 có trị giá 2.446.800.000đ (*Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng*).

+ Hủy bản di chúc ngày 21 tháng 8 năm 2014 của ông Lê Văn H2, có xác nhận của Chính quyền địa phương xã P.

+ Các đương sự thỏa thuận phân chia như sau:

Giao cho ông Lê Văn H được quyền quản lý sử dụng thửa đất tờ bản đồ số 02, thửa số 272 diện tích 1.040m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 840m^2 đất vườn) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ ông Lê Văn H2 cấp ngày 14/12/2000 nhưng khi đo đạc thực trạng thửa đất còn diện tích $989,3\text{m}^2$ (trong đó có 200m^2 đất ở và $789,3\text{m}^2$ đất vườn) có trị giá 4.946.500.000 (*Bốn tỷ, chín trăm bốn mươi sáu ngàn, năm trăm đồng*). địa chỉ thửa đất: thôn P, xã P, B, Hà Nội(nay là thôn P, xã C, Hà Nội); được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 1 có các cạnh như sau: từ điểm 1 đến 2 dài 16,47m; từ điểm 2 đến 3 dài 0,5 m; từ điểm 3 đến 4 dài 33,70m; từ điểm 4 đến 5 dài 10,42m; từ điểm 5 đến 6 dài 4,72m; từ điểm 6 đến 7 dài 11,88 m; từ điểm 8 đến 9 dài 0,65m; từ điểm 9 đến 10 dài 0,91m; từ điểm 10 đến 11 dài 15,94m; từ điểm 11 đến 12 dài 3,0m; từ điểm 12 đến 13 dài 2,11m; từ điểm 13 đến 14 dài 3,83m; từ điểm 14 đến 15 dài 1,48m; từ điểm 15 đến 16 dài 1,50m; từ điểm 16 đến 17 dài 1,56m; từ điểm 17 đến 18 dài 5,90m; từ điểm 18 đến 19 dài 3,74m; từ điểm 19 đến 20 dài 11,18m; từ điểm 20 đến 1 dài 10,51m. Trên đất có tài sản gồm: nhà, bếp, chuồng trại trên đất của ông Lê Văn H. *Có bản vẽ hiện trạng kèm theo quyết định.*

Giao cho ông Lê Văn H được quyền quản lý sử dụng thửa đất tờ bản đồ số 02, tờ bản đồ 240⁻¹, diện tích $365,6\text{m}^2$ trị giá 1.098.800.000đ (*Một tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng*) đất ao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ ông Lê Văn H2 cấp ngày 14/12/2000 được giới hạn bởi các điểm 22,23,24,25,26,33,32,22 có các cạnh như sau: từ điểm 22 đến 23 dài 13,41m; từ điểm 23 đến 24 dài 3,24m; từ điểm 24 đến 25 dài 17,96m; từ điểm 25 đến 26 dài 1,70m; từ điểm 26 đến 33 dài 14,27m;

từ điểm 33 đến 32 dài 23,74m; từ điểm 32 đến 22 dài 1,72m. *Có bản vẽ hiện trạng kèm theo quyết định.*

Giao cho ông Lê Thanh H1 được quyền quản lý sử dụng thửa đất tờ bản đồ số 02, tờ bản đồ 240⁻², diện tích 450m² trị giá 1.350.000.000đ (*Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng*) đất ao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ ông Lê Văn H2 cấp ngày 14/12/2000; được giới hạn bởi các điểm 21,32,33,27,28,29,30,31,21 có các cạnh như sau: từ điểm 21 đến 32 dài 21,42m; từ điểm 32 đến 33 dài 32,74m; từ điểm 33 đến 27 dài 2,94m; từ điểm 27 đến 28 dài 10,54m; từ điểm 28 đến 29 dài 2,08m; từ điểm 29 đến 30 dài 3,45m; từ điểm 30 đến 31 dài 0,36m; từ điểm 31 đến 21 dài 21,05m. *Có bản vẽ hiện trạng kèm theo quyết định.*

Người được giao quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Thanh H1 có trách nhiệm và nghĩa vụ cung cấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên hộ ông Lê Văn H2 cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cho ông Lê Văn H để thực hiện thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề nghị của ông Lê Văn H. Ủy ban nhân dân có trách nhiệm thu hồi hoặc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Văn H2.

- *Chi phí thẩm định, đo đạc, định giá:* ông Lê Văn H tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí:* anh Lê Thanh H1 phải chịu số tiền 26.550.000đ (*Hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, anh H1 đã nộp số tiền 7.500.000đ tạm ứng án phí dân sự theo biên lai số 0000049 ngày 04 tháng 7 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, thành phố Hà Nội. Nay phải nộp tiếp số tiền 19.050.000đ . Ông Lê Văn H trên 60 tuổi được miễn án phí theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Viện KSND khu vực 9
- Chi cục THADS khu vực 9
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Hương